

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 04 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G – TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Tấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thành Nhạn**

2. Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Minh Thu** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tham gia phiên tòa: Bà **Phan Ngọc Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 04 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trần Sơn T**, sinh năm 1991. Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

- *Bị đơn:* Bà **Võ Thị Hồng X**, sinh năm 1993. NKTT: Ấp N, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: Ấp 19, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (*Có mặt*)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông **Võ Văn C** và bà **Nguyễn Thị L**. Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 19, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (*Có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 01 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông **Trần Sơn T** trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: Ông T và bà X sống chung từ năm 2012, hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19 tháng 06 năm 2013. Ly thân từ tháng 10 năm 2017 đến nay, lý

do: trong thời gian sống chung vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong việc làm ăn và mâu thuẫn diễn ra trong thời gian dài. Hiện tại, giữa Ông T và bà X cũng không còn chung sống với nhau nên có tiếp tục cũng không mang lại hạnh phúc nên Ông Tyêu cầu được ly hôn với bà X.

+ Việc nuôi con: Ông T và bà X có một người con chung cháu tên Trần Cẩm V, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2013 và đang sống chung với bà X, ông C và bà L. Ông T đồng ý giao cháu V cho bà X, ông C và bà L tiếp tục nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng: Trong trường hợp bà X có yêu cầu thì Ông T đồng ý cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

+ Chia tài sản: Ông T và bà X không có tài sản chung nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Võ Thị Hồng X trình bày tại phiên tòa:

+ Quan hệ hôn nhân: Bà X thống nhất về thời gian sống chung, thời gian ly thân và có đăng ký kết hôn. Bà thống nhất việc vợ chồng sống chung có nhiều mâu thuẫn và không thể hàn gắn nên bà đồng ý ly hôn.

+ Việc nuôi con: Bà X thống nhất có một người con chung như Ông T trình bày, cháu Vui hiện đang sống chung với bà và ông, bà ngoại (ông C và bà L), bà X yêu cầu tiếp tục nuôi và không yêu cầu Ông T cấp dưỡng.

+ Chia tài sản: Ông T và bà X không có tài sản chung nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, vợ chồng bà còn có nợ bà Võ Kim N, bà Võ Hồng T, ông Võ Văn C và bà Nguyễn Thị L. Bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nếu các chủ nợ có yêu cầu thì họ khởi kiện bằng vụ án khác.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn C và bà Nguyễn Thị L trình bày tại phiên tòa:

+ Ông, bà là cha mẹ ruột của bà X, hiện cháu V đang sống chung với ông, bà và bà X. Ông C và bà L yêu cầu tiếp tục nuôi cháu V và không yêu cầu cấp dưỡng.

+ Ngoài ra Ông T và bà X còn nợ vợ chồng ông, bà, trong trường hợp có yêu cầu thì ông, bà khởi kiện bằng vụ án khác.

- Kiểm sát viên phát biểu:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Sơn T và bà Võ Thị Hồng X.

+ Về quan hệ con: Giao cháu Trần Cẩm V, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2013 cho bà X được tiếp tục nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản: Do không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn ông Trần Văn Tòng đã vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt Ông T là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. **Quan hệ hôn nhân:** Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa Ông T và Xa là hôn nhân hợp pháp. Ông Tvà bà X thống nhất khi sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và thực tế họ đã ly thân trong khoảng thời gian dài, mà không thể hàn gắn. Nay Ông Tyêu cầu ly hôn và bà X đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Trần Sơn T và bà Võ Thị Hồng X theo Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Việc nuôi con:

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”*

+ Cháu Trần Cẩm V đang sống với bà X và đang phát triển bình thường, Ông Tvà bà X thỏa thuận để bà X tiếp tục nuôi dưỡng. Sự thỏa thuận của Ông Tvà bà X là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Giao cháu V cho bà X được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con do mình không trực tiếp tục nuôi, mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Do bà X không đặt ra yêu cầu (mặc dù đã được Hội đồng xét xử giải thích) nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Mặc dù Ông T yêu cầu giao cháu Vui cho ông Cn và bà L cùng nuôi với bà X, đồng thời ông C và bà L cũng có nguyện vọng nuôi cháu V nhưng do hiện nay cháu Vui còn mẹ là bà X và bà X không thuộc trường hợp không có điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Vui theo quy định tại Điều 104 và 105 của Luật Hôn

nhân và gia đình nên không chấp nhận việc ông C và bà L yêu cầu trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu V. Tuy nhiên, ông C và bà L cũng là thành viên trong gia đình và hiện đang sống chung với cháu V nên ông C và bà L có quyền, nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ cháu Vui theo quy định tại Điều 103 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Chia tài sản:

- Do ông Trần Sơn T và bà Võ Thị Hồng X thống nhất không có tài sản chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Đối với những người mà bà X cho rằng có nợ: Hội đồng xét xử xét thấy, việc bà X trình bày tại phiên tòa và đã được mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời bà X không yêu cầu giải quyết cùng vụ án này. Cho nên, trong trường hợp họ có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G là phù hợp nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. Về án phí:

- Ông Trần Sơn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Ông T đã dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001485 ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G được chuyển thu án phí.

- Bà Võ Thị Hồng X, ông Võ Văn C và bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 8, 9, 55, 81, 82, 83, 103, 104, 105 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Sơn T và bà Võ Thị Hồng X.

2. Việc nuôi con:

- Giao cháu Trần Cẩm V, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2013 cho bà Võ Thị Hồng X được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Ông Trần Sơn Tòng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con do mình không trực tiếp tục nuôi, mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Ông Võ Văn C và Nguyễn Thị L có quyền, nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ cháu Trần Cẩm V.

- Về cấp dưỡng: Do bà Võ Thị Hồng X không yêu cầu (mặc dù đã được giải thích) nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Chia tài sản: Ông Trần Sơn Tòng và bà Võ Thị Hồng X thống nhất không có tài sản chung và không yêu cầu có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

- Ông Trần Sơn Tòng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Ông T đã dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001485 ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G được chuyển thu án phí.

- Bà Võ Thị Hồng X, ông Võ Văn C và bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Minh Tấn